

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TÌ HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HSST
Ngày: 24/01/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TÌ HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hoàn và bà Lê Thị Thao.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, Tì Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2021/TLST- HS ngày 24 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đ, sinh năm: 1984; Nơi sinh: Cẩm Giàng, Hải Dương. Nơi ĐKKHKT: Thôn CN, xã NL, huyện Cẩm Giàng, Tì Hải Dương. Chỗ ở: Thôn ĐH, xã CH, huyện Cẩm Giàng, Tì Hải Dương. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: ĐHĐ (tên gọi khác là ĐHĐ), sinh năm 1958 và bà NTT, sinh năm 1960; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ hai; Bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn. Bị cáo có 01 con sinh năm 2015; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 34/2014/HSST ngày 26/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, Tì Bắc Ninh, xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt là 5.650.000đồng). Bị cáo nộp tiền án phí HSST ngày 14/12/2021. Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng từ ngày 02/9/2021 đến ngày 05/9/2021, thay đổi B biện pháp ngăn chặn Cẩm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. M, sinh năm: 1984; Nơi sinh: Cẩm Giàng, Hải Dương. Nơi ĐKKHKT và trú tại: Thôn MN, xã NL, huyện Cẩm Giàng, Tì Hải Dương. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc:

Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: VXH, sinh năm 1959 và bà HTN, sinh năm 1962; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ là NTN, sinh năm 1986. Bị cáo có 02 con sinh năm 2008 và 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng từ ngày 02/9/2021 đến ngày 05/9/2021, thay đổi B biện pháp ngăn chặn Cẩm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. NG, sinh năm: 1972; Nơi sinh: Cẩm Giàng, Hải Dương. Nơi ĐKHKTT và trú tại: Thôn MN, xã NL, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: NNC, sinh năm 1939 và bà NTM sinh năm 1946; Gia đình có 06 anh em, bị cáo là thứ bà; Vợ là NTN sinh năm 1978. Bị cáo có 02 con sinh năm 1997 và 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng từ ngày 02/9/2021 đến ngày 05/9/2021, thay đổi B biện pháp ngăn chặn Cẩm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

4. B, sinh năm: 1984; Nơi sinh: Cẩm Giàng, Hải Dương. Nơi ĐKHKTT và trú tại: Thôn BN, xã NL, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: LVC, sinh năm 1962 và bà NTP, sinh năm 1963; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ là NTH, sinh năm 1988. Bị cáo có 02 con sinh năm 2007 và 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng từ ngày 02/9/2021 đến ngày 05/9/2021, thay đổi B biện pháp ngăn chặn Cẩm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

5. H, sinh năm: 1993; Nơi sinh: Cẩm Giàng, Hải Dương. Nơi ĐKHKTT và trú tại: Thôn MN, xã NL, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: NVT, sinh năm 1964 và bà NTÁ, sinh năm 1967; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng từ ngày 02/9/2021 đến ngày 05/9/2021, thay đổi B biện pháp ngăn chặn Cẩm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

6. TH, sinh năm: 1991; Nơi sinh: Cẩm Giàng, Hải Dương. Nơi ĐKHKTT và trú tại: Thôn MN, xã NL, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: NVK, sinh năm 1971 và bà NT năm 1971; Bị cáo là con Đ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng từ ngày 02/9/2021 đến ngày 05/9/2021,

thay đổi B biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

7. PH, sinh năm: 1984; Nơi sinh: Bình Giang, Hải Dương. Nơi ĐKHKTT: Q, xã VH, huyện CG, Ti Hải Dương. Tạm trú: Thôn Đ, xã LĐ, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: VDD, sinh năm 1960 và bà PT V, sinh năm 1959; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ là VTB, sinh năm 1986. Bị cáo có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 12/2007/HSST ngày 24/8/2007, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, Ti Hải Dương xử phạt 5.000.000đồng về tội Đánh bạc. Bị cáo đã thi hành xong ngày 02/11/2007. Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng từ ngày 02/9/2021 đến ngày 05/9/2021, thay đổi B biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

8. TO, sinh năm: 1995; Nơi sinh: Cẩm Giàng, Hải Dương. Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã LĐ, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương. Tạm trú: Thôn CN, xã NL, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: NVC, sinh năm 1975 và bà PTT, sinh năm 1975; Bị cáo là con Đ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

9. Đ1, sinh năm: 1993; Nơi sinh: Cẩm Giàng, Hải Dương. Nơi ĐKHKTT và trú tại: Thôn MN, xã NL, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: NVO, sinh năm 1967 và bà NTT, sinh năm 1968; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng từ ngày 02/9/2021 đến ngày 05/9/2021, thay đổi B biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại. Vắng mặt tại phiên tòa.*(Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt)*

10. TI, sinh năm: 1993; Nơi sinh: VL, HY. Nơi ĐKHKTT và trú tại: Thôn CĐ, xã VH, huyện VL, Ti HY. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: ĐVB, sinh năm 1963 và bà HTN, sinh năm 1962; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là thứ tư; Vợ là NTH, sinh năm 1997. Bị cáo có 03 con sinh năm 2015, năm 2017 và 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng từ ngày 02/9/2021 đến ngày 05/9/2021, thay đổi B biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

11. ĐO, sinh năm: 1993; Nơi sinh: Cẩm Giàng, Hải Dương. Nơi ĐKKHKT và trú tại: Thôn MN, xã NL, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: NVĐ, sinh năm 1970 và bà HTV, sinh năm 1972; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; **Vợ là TP, sinh năm 1994.** Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng từ ngày 02/9/2021 đến ngày 05/9/2021, thay đổi B biện pháp ngăn chặn Cẩm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

12. TR, sinh năm: 1991; Nơi sinh: Cẩm Giàng, Hải Dương. Nơi ĐKKHKT và trú tại: Thôn MN, xã NL, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: NNT, sinh năm 1969 và bà NTD, sinh năm 1973; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ là NTT, sinh năm 1993. Bị cáo có 03 con sinh năm 2014, năm 2018 và 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng từ ngày 02/9/2021 đến ngày 05/9/2021, thay đổi B biện pháp ngăn chặn Cẩm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại. Vắng mặt tại phiên tòa. *(Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- Người làm chứng:

1. Anh C1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn MN, xã NL, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương.

2. Anh C2, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn CN, xã NL, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương.

3. Ông Đ (tên gọi khác là Đ), sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn CN, xã NL, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương.

Những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ ngày 02/9/2021, tại chỗ ở của Đ, thôn ĐH, xã CH, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương. D cùng TR, ĐO, H, NG, Th, Đ, Ph, Ti, To tổ chức ăn uống cùng nhau. Sau đó có thêm M và anh C1 đến ăn uống cùng. Khoảng 14 giờ cùng ngày, cả nhóm ăn uống xong thì có thêm B đến chỗ ở của Đ chơi. Lúc này, ĐO và C1 đi ra đầm của nhà Đ câu cá. Ph đi ra ngoài có việc riêng. Thấy có bộ bài tú lơ khơ tại chỗ ở của Đ, các bị cáo gồm H, Ng, Th, Đ1, To, M, B rủ nhau sát phạt nhau B tiền dưới hình thức đánh Liêng. Một lúc sau, Ph quay lại nhà Đ và cùng tham gia đánh Liêng với 07 bị cáo trên, còn Ti và Tr ngồi xem. Quá trình 7 bị cáo đánh Liêng với nhau, Ti

đánh ké cửa cùng Ng khoảng 03 ván. Khi H đi vệ sinh, Tr cầm bài và sử dụng tiền của H để dưới nền nhà đánh hộ H khoảng 03 ván; Khi Đ1 đi vệ sinh, Đo cầm hộ bài và sử dụng tiền của Đ1 để dưới nền nhà đánh hộ Đ1 2-3 ván.

Trước khi đánh Liêng với nhau, bị cáo M có số tiền 2.000.000đồng, B có 1.300.000đồng, Ng có 1.700.000đồng, H có 1.000.000đồng, Th có 600.000đồng, Ph có 450.000đồng, To có 370.000đồng, Đ1 có 340.000đồng, Ti có 200.000đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Đo và Tr cầm bài hộ, không sử dụng tiền của mình để đánh Liêng cùng các bị cáo khác.

Cách thức sát phạt nhau được thua B tiền trái phép của các bị cáo như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài, chia cho mỗi người 03 quân bài. Người đánh phải đặt số tiền 20.000đồng vào một chỗ gọi là Gà. Người chia bài là người được tổ trước, nếu không tổ thì người ngồi bên cạnh về phía tay phải được tổ và cứ lần lượt như vậy. Nếu không tổ thì úp bài xuống, người nào theo thì đặt tiếp số tiền theo tổ vào Gà nhưng không quá 200.000đồng. Người úp bài sẽ bị mất số tiền 20.000đồng đã cho vào Gà trước đó. Người theo tổ sẽ so điểm với nhau. Nếu bài của người đánh có 3 quân bài liền kề nhau theo thứ tự tăng dần (không cần cùng chất) là Liêng. Các quân bài Q, K, Át là to nhất của Liêng. 3 quân bài cùng loại gọi là Sáp (trong đó 3 quân Át là to nhất, 3 quân 2 là nhỏ nhất). Nếu người đánh không có Liêng hoặc Sáp, thì những người đánh sẽ cộng số điểm của 3 quân bài của mình theo quy ước 10, J, Q, K là 0 điểm. Át là 1 điểm, 2 là 2 điểm và 9 là 9 điểm. Bài có tổng điểm B 9 là to nhất. Nếu có nhiều người B điểm nhau thì so chất của quân bài theo thứ tự rô, cơ, tép, bích; Át là to nhất rồi đến K, Q, J, và 2 là nhỏ nhất

Đ biết và đồng ý để các bị cáo trên sát phạt nhau được thua B tiền trái phép tại chỗ ở của Đ.

Các bị cáo sát phạt nhau được thua trái phép B tiền dưới hình thức đánh Liêng đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Thu giữ trên nền nhà 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, số tiền 38.500.000đồng trong đó có số tiền 2.200.000đồng Ti không sử dụng vào việc đánh bạc nhưng khi công an vào bắt giữ, Ti bỏ tiền ở trong người ra để xuống nền nhà; Thu giữ trên người Th số tiền 600.000đồng và trên người B số tiền 1.000.000đồng. Thu giữ trên người Tr số tiền 320.000đồng.

Vật chứng vụ án gồm: Số tiền 40.420.000đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 23/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo Đ về tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo M, NG, B, H,

Th, Ph, To, Đ, Ti, TR, Do về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng, các bị cáo không bị oan. Đ có biết và có đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại chỗ ở của Đ. Khi cơ quan Công an bắt quả tang các bị cáo đang đánh Liêng được thua B tiền trái phép tại chỗ ở của Đ, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 38.500.000đồng. Ti bỏ trong người xuống chiếu số tiền 2.200.000đồng và số tiền này Ti không sử dụng vào việc đánh bạc. Số tiền Công an thu trong người Th là 600.000đồng và B là 1.000.000đồng, Th và B có sử dụng vào việc đánh bạc. Thu giữ trên người Tr số tiền 320.000đồng không sử dụng vào việc đánh bạc. Các bị cáo không biết vì sao số tiền Công an thu được tại chiếu bạc nhiều hơn tổng số tiền các bị cáo có trước khi các bị cáo đánh bạc. Các bị cáo đều nhất thời phạm tội và rất ân hận về hành vi của mình.

Các bị cáo H, Th đều đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

Bị cáo Đ khai nhận: Khi các bị cáo khác rủ nhau đánh bạc, bị cáo có biết, có đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại chỗ ở của mình do nể nang. Bị cáo không có mục đích vụ lợi, không thu tiền của họ. Bộ bài tú lơ khơ có sẵn tại chỗ ở của bị cáo, bị cáo không chuẩn bị cho các bị cáo khác sử dụng vào việc đánh bạc. Bị cáo đang một mình nuôi con, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Khi bị cáo bị Tòa án Lương Tài xử phạt 06 tháng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, bị cáo đã thi hành xong phần hình phạt chính. Bị cáo có biết bản án tuyên buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng tiền án phí HSST. Bị cáo đã nộp tiền án phí nhưng không nhớ đã nộp ở đâu, nộp cho ai vì thời gian lâu rồi, bị cáo không nhận biên lai thu tiền, không có giấy tờ, tài liệu, căn cứ gì chứng minh về việc đã nộp số tiền án phí HSST trên. Ngày 14/12/2021, bị cáo đã đến Chi cục THADS huyện Lương Tài, Ti Bắc Ninh nộp số tiền 200.000đồng án phí. Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình. Bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đề Ng Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Tuyên bị cáo Đ phạm tội Tổ chức đánh bạc. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đ từ 14 tháng đến 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ 03 ngày đã tạm giữ.

- Tuyên các bị cáo M, NG, B, H, Th, Ph, To, Đ, Ti, TR, Do phạm tội Đánh bạc.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với M, NG, H, Th, To.

+ Xử phạt bị cáo M từ 18 tháng đến 20 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 40 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo NG từ 15 tháng đến 17 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 34 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo H từ 13 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 26 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Th từ 12 tháng đến 14 tháng tù hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo To từ 11 tháng đến 13 tháng tù hưởng án treo, thời gian thử thách từ 22 đến 26 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với B.

Xử phạt bị cáo B từ 14 tháng đến 16 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 đến 32 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ph từ 12 tháng đến 14 tháng tù hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo M, Ng, B, H, Th, To, Ph cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đ từ 12 tháng đến 14 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày bị tạm giữ B 9 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ1. Giao bị cáo Đ1 của UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt các bị cáo Ti, ĐO và TR mỗi bị cáo số tiền từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 37.900.000đồng. Trả lại cho bị cáo Ti số tiền 2.200.000đồng, trả lại bị cáo Tr số tiền 320.000đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015; Ng quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng trong phiên tòa:

Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, do nhất thời các bị cáo phạm tội. Các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình. Hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn, do dịch bệnh nên hiện tại có ít việc làm, không có thu nhập ổn định. Đề Ng HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được cải tạo tại địa Ph hoặc xử phạt B hình thức phạt tiền đối với các bị cáo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 15 giờ 30 phút ngày 02/9/2021, tại nơi ở của mình, thôn Đức Hỷ, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương, bị cáo Đ biết và đồng ý cho các bị cáo M, NG, B, H, Th, Ph, To, Đ, Ti, ĐO, TR sát phạt nhau được thua B tiền trái phép dưới hình thức đánh Liêng. Số tiền các bị cáo đặt thấp nhất là 20.000đồng, tối cao nhất là 200.000đồng. Hành vi của các bị cáo đã bị Cơ quan Công an bắt quả tang, thu giữ tại chỗ số tiền 38.500.000đồng. Trong đó có số tiền 2.200.000đồng bị cáo Ti bỏ trong người xuống nền nhà và số tiền này bị cáo Ti không sử dụng vào việc đánh bạc. Thu giữ trong người bị cáo Th số tiền 600.000đồng, thu giữ trong người bị cáo B số tiền 1.000.000đồng, các bị cáo Th và B có sử dụng vào việc đánh bạc. Thu giữ trong người bị cáo Tr số tiền 320.000đồng bị cáo Tr không sử dụng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền các bị

cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 37.900.000đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Do đó, hành vi của bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự;

Hành vi của các bị cáo M, NG, B, H, Th, Ph, To, Đ, Ti, ĐO, TR đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương đã truy tố các bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống văn minh, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa Ph. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội và có thể là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo.

[4] Đối với hành vi đánh bạc: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự chuẩn bị trước, không có tổ chức cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, đều không xác định được ai là người đề xuất, ai là người chuẩn bị công cụ phạm tội, ai đưa ra cách thức sát phạt nhau cũng như số tiền của mỗi ván. Tuy nhiên để cá thể hóa hình phạt, cần phân hóa vai trò của từng bị cáo như sau: Trước khi tham gia đánh bạc, bị cáo M có số tiền 2.000.000đồng, bị cáo Ng có số tiền 1.700.000đồng, bị cáo B có số tiền 1.300.000đồng, bị cáo H có 1.000.000đồng, bị cáo Th có 600.000đồng, bị cáo Ph có 450.000đồng, bị cáo To có 370.000đồng, bị cáo Đ1 có 340.000đồng, bị cáo Ti có 200.000đồng sử dụng việc đánh bạc. Bị cáo Tr và Do không sử dụng tiền của mình để đánh bạc. Các bị cáo M, B, H, Th, To, Đ1, Ng tham gia đánh bạc từ đầu. Bị cáo Ph tham gia đánh bạc sau 7 bị cáo trên. Bị cáo Ti đánh ké bị cáo Ng khoảng 3 ván. Bị cáo Tr và Do cầm bài và tiền của bị cáo H và Đ1 đánh hộ khi H và Đ1 đi vệ sinh. Tổng số tiền thu tại chỗ các bị cáo đánh bạc là 36.300.000đồng, thu trên người bị cáo Th số tiền 600.000đồng, thu trên người bị cáo B số tiền 1.000.000đồng mà hai bị cáo này sử dụng vào việc đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 37.900.000đồng. Các bị cáo khai số tiền các bị cáo có trước khi tham gia đánh bạc không phù hợp với số tiền các bị cáo đã thực sử dụng vào việc đánh bạc. Căn cứ vào số tiền thu được trên chiếu bạc và trên người các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc; Căn cứ vào thời gian các bị cáo tham gia đánh bạc thì thấy bị cáo M có vai trò thứ nhất, tiếp theo là các bị cáo B, H, Th, To, Đ1, Ph, Ng. Bị cáo Ti có vai trò sau bị cáo Ng. Bị cáo Bị cáo Tr và Do có vai trò cuối cùng.

[5] Đối với bị cáo Đ: Tại Bản án số 34/2014/HSST ngày 26/8/2014, Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, Ti Bắc Ninh (viết tắt là Bản án số 34) xử phạt bị cáo Đ 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chi cục THADS huyện Lương Tài, Ti Bắc Ninh và huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương chưa thụ lý thi hành đối với bản án số 34 về phần án phí HSST đối với bị cáo Đ. Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, Ti Bắc Ninh chưa xác định được đã chuyển bản án số 34 đến CCTHADS huyện Lương Tài hay chưa. Bị cáo Đ khai đã thi hành xong tất cả các quyết định của bản án trên. Bị cáo biết phải nộp số tiền 200.000đồng án phí HSST nhưng không có căn cứ chứng minh đã nộp số tiền án phí trên. Xét Bản án số 34 có hiệu lực ngày 27/9/2014 tính đến ngày 27/9/2019 là tròn 5 năm. Kể từ ngày 28/9/2019 là hết thời hiệu thi hành bản án. Bị cáo đã thi hành xong hình phạt chính. Ngày 14/11/2021, bị cáo mới nộp tiền án phí theo quyết định của bản án số 34. Tại Điều 60 của Bộ luật hình sự chỉ quy định về thời hiệu thi hành hình phạt, việc thi hành án phí phải thi hành theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Trong khi đó, Luật thi hành án dân sự không quy định về thời hiệu nên việc ra quyết định và thi hành án dân sự đối với án phí HSST không có thời hiệu. Căn cứ quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự và căn cứ Công văn số 64/TANDTC-PC về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tổ tụng hành chính ngày 03/4/2019 của TAND Tối cao, không có căn cứ xóa án tích theo Điều 70 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ. Vì vậy, HĐXX xác định bị cáo Đ chưa được xóa án tích đối với Bản án số 34/2014/HSST ngày 26/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, Ti Bắc Ninh.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo:

Bị cáo Đ đã bị kết án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ và Ph đã bị **kết án một lần** nhưng **không** lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội. Các bị cáo M, Ng, B, H, Th, To, Ph, Đ1, Ti, Do, Tr đều không có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ thực sự ăn năn hối cải về hành vi của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo M, Ng, B, H, Th, To, Đ1, Ti, Do, Tr đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ1 có bố là thương binh, sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú. Bị cáo Đ có bố để được tặng thưởng

Giấy khen của của Trung đoàn 531 và đã tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975. Các bị cáo Đ, M, To, H, Ng, Th, Đ1, Ph có tham gia ủng hộ quỹ Quỹ phòng chống dịch Covid-19 ở địa Ph. Các bị cáo Đ, H, Th đều đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự,

[7] Căn cứ vào tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, HĐXX thấy bị cáo Đ không có mục đích vụ lợi nhưng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo M, Ng, B, H, Th, Ph, To, Đ1, Ti, Do và Tr có không có tiền án, tiền sự, các bị cáo nhất thời phạm tội, thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ân hận và thực sự ăn năn, hối cải về hành vi của mình; có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo. Các bị cáo Tr và Do phạm tội với vai trò giúp sức, không có mục đích tư lợi cho bản thân. Việc cho các bị cáo cải tạo tại địa Ph hoặc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa Ph hoặc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[8] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo M, Ng, B, H, Th, Ph, To, Đ1 đều là lao động tự do, hiện tại chưa có việc làm, không có thu nhập do phải nghỉ làm vì dịch bệnh Covid-19, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo bị áp dụng hình phạt chính không phải là hình phạt tiền. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ.

[9] Vật chứng gồm: Bộ tú lơ khơ 52 quân là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy; Số tiền 37.900.000đ là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Số tiền 2.200.000đồng thu của bị cáo Ti, số tiền 350.000đồng thu của bị cáo Tr không sử dụng vào việc đánh bạc nên trả lại cho các bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Các vấn đề khác: Đối với ông Đặng Hồng Đoàn (Đoàn) là chủ sử dụng nhà đất và giao cho bị cáo Đ quản lý, sử dụng. Ông Đoàn không biết bị cáo Đ cho 11 bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc vào chiều ngày 02/9/2021 tại nhà đất của mình nên không có căn cứ xử lý.

[11] Về biện pháp ngăn chặn: Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với các bị cáo M, NG, B, H, Th, Ph, To, Đ, Ti, Đo, TR theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đ phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo M, NG, B, H, Th, To, Đ, Ph, Ti, Đo, TR phạm tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đ 15 (mười lăm) tháng tù, được trừ đi 03 ngày đã tạm giữ. Bị cáo còn phải thi hành 14 (mười bốn) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo M, NG, H, Th, To, B.

4. Xử phạt: Bị cáo M 19 (mười chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 38 (ba mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Xử phạt: Bị cáo NG 17 (mười bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 34 (ba mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Xử phạt: Bị cáo H 14 (mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Xử phạt: Bị cáo Th 13 (mười ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 (hai mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

8. Xử phạt: Bị cáo To 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

9. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo B.

Xử phạt: Bị cáo B 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

10. Giao các bị cáo M, NG, B, H, Th, To cho UBND xã NL, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

11. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ph.

Xử phạt: Bị cáo Ph 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ph cho UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

12. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

13. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đ.

Xử phạt: Bị cáo Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày đã tạm giữ B 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Đ còn phải thi hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đ cho UBND xã NL, huyện Cẩm Giàng, Ti Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

14. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, UBND cấp xã trong việc giám sát, giáo dục người đó.

15. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Ti, ĐO, TR.

16. Xử phạt: Bị cáo Ti số tiền 21.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

17. Xử phạt bị cáo ĐO số tiền 20.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

18. Xử phạt bị cáo TR số tiền 20.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

19. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 37.900.000đồng.

Trả lại bị cáo Ti số tiền 2.200.000đồng.

Trả lại bị cáo TR số tiền 350.000đồng.

(Đặc điểm của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan công an huyện Cẩm Giàng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng).

20. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Ng quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đ, M, B, H, Th, To, Đ, Ph, NG, Ti, TR, ĐO mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

21. Quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị cáo vắng tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Sở tư pháp Ti Hải Dương;
- VKSND Ti Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- CQCSĐT công an huyện Cẩm Giàng;
- CQTHAHS-công an huyện Cẩm Giàng;
- CCTHADS huyện Cẩm Giàng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP

Phạm Thúy Hằng